

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Ánh;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị H, sinh năm 1989;

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: thôn H, xã P, huyện S, tỉnh N.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69

ngày 06/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 13/8/2009; Nguyễn Quỳnh Thảo Nh, sinh ngày 05/11/2011 và Nguyễn Văn Hoàng H1, sinh ngày 07/7/2017. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu Nh, giao cháu H1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 12/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh hay nhậu nhẹt và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của ba mẹ nên anh xin Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: thống nhất có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 13/8/2009; Nguyễn Quỳnh Thảo Nh, sinh ngày 05/11/2011 và Nguyễn Văn Hoàng H1, sinh ngày 07/7/2017. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, giao cháu L và cháu Nh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đ có nơi cư trú tại thôn H, xã P, huyện S, tỉnh N. Chị H xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/10/2009 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Đ thường nhậu nhẹt và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án chị H cương quyết xin ly hôn, mặc dù anh Đ mong muốn đoàn tụ tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng chăm lo cho các con. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh Đ có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 13/8/2009; Nguyễn Quỳnh Thảo Nh, sinh ngày 05/11/2011 và Nguyễn Văn Hoàng H1, sinh ngày 07/7/2017. Chị H, anh Đ đều thống nhất giao cháu L và cháu Nh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần công nhận sự thỏa thuận này. Việc thỏa thuận nuôi con của chị H, anh Đ phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu L và cháu Nh tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2023. Vì vậy, cần giao các cháu L và Nh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), giao cháu H1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H, anh Đ không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy

định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Quỳnh Thảo Nh, sinh ngày 05/11/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Văn Hoàng H1, sinh ngày 07/7/2017 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị Huệ đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012291 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn;
(GCNKH số 69 ngày 06/10/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Sen